

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-02-2023

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Th- anh L”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Túy.

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976.

Đều cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị Th. Anh L có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Vũ Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, và tổ chức đám cưới vào năm 2006 đến ngày 21/4/2008 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Qu. Sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã A, chị làm bác sỹ tại bệnh viện đa khoa Ph, huyện Qu, anh L làm tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn xô sát to tiếng với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh L.

-Về con chung: Chị Th khai vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 03/12/2006; Nguyễn Diệp A1, sinh ngày 15/6/2011 và Nguyễn Danh Nhật M, sinh ngày 03/7/2017. Ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị Th khai chị và anh L đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn L: Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải anh L xác nhận lời khai của chị Th về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Anh L cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị xin được đoàn tụ. Tại đơn xin xử án vắng mặt gửi Tòa án, anh L đề nghị nếu chị Th không nhất trí đoàn tụ vợ chồng thì anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Về con chung anh L xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị Th đã khai, anh nhất trí đề nghị của chị Th nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh L xác nhận vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Th được ly hôn anh L. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Th nhận trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Th khởi kiện ly hôn với Nguyễn Văn L. Anh L là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Thôn V, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, vì vậy vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân A, huyện Qu vào ngày 21/4/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống cùng gia đình anh L tại xã A, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Thlâm đơn khởi kiện ly hôn. Quá trình hòa giải tại Tòa án anh L đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng, ngày 02/02/2023 anh L có đơn xin xử án vắng mặt (*Có công chứng*) gửi Tòa án. Nội dung đơn anh L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí quan điểm của chị Thvà đề nghị xin được thuận tình ly hôn, do công việc bận mải, anh đề nghị xin được xử án vắng mặt. Đối với chị Thcũng có đơn gửi Tòa án đề nghị không tiến hành hòa giải thêm, tại phiên tòa, chị Thgiữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị Thvà anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Thđược ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Thvà anh L có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 03/12/2006; Nguyễn Diệp A1, sinh ngày 15/6/2011 và Nguyễn Danh Nhật M, sinh ngày 03/7/2017, con chung hiện do chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Thđề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung. Tại đơn xin xử án vắng mặt gửi Tòa án anh L cũng nhất trí quan điểm của chị Th về nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện chị Th làm nghề bác sỹ có thu nhập ổn định, cháu H và cháu A1cũng có đơn bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ, vì vậy cần giao 03 con chung cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6]Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Vũ Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2/Về con chung: Xử giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 03/12/2006; Nguyễn Diệp A1, sinh ngày 15/6/2011 và

Nguyễn Danh Nhật M, sinh ngày 03/7/2017. Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004908 ngày 17/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Thái Bình.

-TAND tỉnh Thái Bình.

-VKSND huyện Quỳnh Phụ.

-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.

-UBND xã A.

-Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC